

BÁO CÁO

Quyết toán ngân sách năm 2022

(Trình kỳ họp thứ 5 - Hội đồng nhân dân Thị trấn Gia Lộc
khoá XXVI- Nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022 được thực hiện theo Quyết định số 4299 /QĐ - UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Gia Lộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho UBND Thị trấn Gia Lộc và Nghị quyết số 15/NQ - HĐND kỳ họp thứ 2, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ngày 06/01/2022 của Hội đồng nhân dân Thị trấn.

Tại kỳ họp thứ 2, HĐND Thị trấn Gia Lộc nhiệm kỳ 2021 - 2026, UBND Thị trấn Gia Lộc báo cáo ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 12 tháng năm 2022 và dự kiến phương án phân bổ ngân sách năm 2023. Sau thời gian chỉnh lý quyết toán, tại kỳ họp này, Ủy ban nhân dân Thị trấn trình Hội đồng nhân dân Thị trấn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022 như sau:

I/ QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2022

Tổng thu ngân sách Thị trấn năm 2022: 42.424.374.509 đồng (Trong đó: Ngân sách Thị trấn : 18.460.806.209 đồng; Ngân sách cấp trên là: 23.963.568.300 đồng).

Các khoản thu ngân sách Thị trấn theo dự toán: 18.460.806.209 đồng, đạt 110,73% so với dự toán huyện giao, 109,75% so với dự toán Thị trấn lập.

Một số chỉ tiêu có số thu đạt cao như: Các khoản thu từ quỹ đất công ích, HLCS bằng 309,8% so với dự toán huyện giao và 100,2 dự toán thị trấn lập; Thu khác bằng 110,2% so với huyện giao và DT thị trấn lập; Thu phí và lệ phí đạt 106,7% so với huyện giao và DT thị trấn lập; Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp bằng 266,01% so với huyện giao và 213,2% dự toán thị trấn lập; Thu lệ phí trước bạ nhà đất bằng 147,0 % so với dự toán huyện giao. Ngoài ra còn một chỉ tiêu chưa đạt đó là khoản thu như: Thu tiền sử dụng đất đạt 96,3% so với dự toán huyện giao; Thu lệ phí môn bài đạt 96,7% so với dự toán huyện giao; Thu thuế giá trị gia tăng (VAT) đạt 76,6% so với dự toán huyện giao; Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 93,1% so với huyện giao;. Chi tiết các chỉ tiêu thu như sau:

1. Các khoản thu tại Thị trấn 926.928.152 đồng Đạt 312,1% DT huyện giao
(100%) và 102,1% DT Thị trấn lập.

2. Các khoản thu phân chia theo 16.462.068.332 đồng Đạt 100,5% DT huyện giao
tỉ lệ phần trăm (%) 103,9% DT Thị trấn lập.

3. Thu chuyển nguồn: 1.071.809.725 đồng.

- Thu chuyển nguồn ngân sách sang năm 2022: 1.071.809.725 đồng.

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 23.963.568.300 đồng.

- Bổ sung cân đối ngân sách 1.623.300.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 22.340.268.300 đồng.

(Chi tiết Biểu số 02/QT-NSX kèm theo)

II/ QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2022

Tổng số quyết toán chi ngân sách Thị trấn năm 2022: 42.424.374.509 đồng.

Trên cơ sở kế hoạch phân bổ dự toán chi đầu năm, UBND Thị trấn còn thực hiện bổ sung kinh phí từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện để thực hiện một số nhiệm vụ chi phát sinh như sau:

- UBND tỉnh bổ sung kinh phí (từ nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng (đợt 1); Bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả cho các chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Bổ sung kinh phí để thực hiện việc hỗ trợ phòng học công trình: Nhà lớp học 3T12P trường THCS Thị trấn Gia Lộc; Công trình Nhà lớp học + Thư viện 3 tầng và nâng tầng 2,3, nhà vệ sinh trường tiểu học Thị trấn.

* UBND huyện Gia Lộc bổ sung Bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (Từ nguồn Sự nghiệp y tế) để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid- 19.

- (Từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh) thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng (đợt 2).

- Trích ngân sách huyện năm 2022 hỗ trợ kinh phí chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi dịp tết nguyên đán Nhâm Dần; Bổ sung kinh phí để thực hiện cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid -19;

- (Từ nguồn tăng thu thường xuyên), Bổ sung kinh phí giải tỏa hành lang giao thông;

- (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất), Bổ sung kinh phí thanh toán công trình hạ tầng khu dân cư mới thị trấn Gia Lộc;

- (Từ nguồn thu khác ngân sách) để thanh toán trả nợ công trình: Nâng cấp nhà VS trường Tiểu học, công tường rào và các hạng mục phụ trợ trường THCS TT và công trình: Nhà lớp học 3T12P trường THCS Thị trấn

* UBND thị trấn bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Từ nguồn cải cách tiền lương để thực hiện việc chi trả chế độ đối với cán bộ già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng năm 2022 theo quy định tại Nghị định 108/2021/NĐ-CP; Bổ sung kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho đối tượng đã thực hiện cách ly y tế được hưởng chính sách hỗ trợ do ảnh hưởng đại dịch Covid -19 theo quy định của Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của chính phủ.

- (Từ nguồn tăng thu) để thực hiện việc chi một số nhiệm vụ cần thiết của địa phương.
Chi tiết như sau:

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 31.690.679.870 đồng, đạt 226,36% dự toán huyện giao.

- | | | |
|--|---------------------|--|
| - Chi XDCB từ nguồn vốn đầu tư công của tỉnh, huyện phân bổ: | 17.617.998.300 đồng | Đạt 100,0% so với DT |
| - Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất: | 14.072.681.570 đồng | Đạt 100,52% DT huyện, 100% DT Thị trấn . |

2. Chi thường xuyên: 9.016.021.476 đồng, đạt 118,27% dự toán.

- | | | |
|--|--------------------|--|
| - Chi sự nghiệp kinh tế: | 215.103.000 đồng | Đạt 422,6% so DT huyện, 102,92% DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: | 22.880.000 đồng | Đạt 39,45% DT huyện, 100% DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp y tế: | 57.472.400 đồng | Đạt 99,09% DT huyện, DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp VH-TT: | 69.947.400 đồng | Đạt 74,02% DT huyện, 89,68% DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp TDTT: | 37.400.000 đồng | Đạt 39,58% DT huyện, 83,11% DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp truyền thanh: | 156.963.600 đồng | Đạt 185,10% so DT huyện, 99,98% DT Thị trấn |
| - Chi sự nghiệp môi trường: | 55.900.000 đồng | Đạt 100% DT huyện, DT Thị trấn |
| - Chi đảm bảo xã hội: | 1.779.982.000 đồng | Đạt 253,63% so DT huyện, 98,84 % DT Thị trấn |
| - Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: | 5.890.858.897 đồng | Đạt 96,88% so DT huyện, 99,32% DT Thị trấn . |
| - Chi An ninh: | 307.402.108 đồng | Đạt 731,91% so DT huyện, 99,78 % DT Thị trấn . |

- | | | |
|-------------------|------------------|---|
| - Chi Quốc phòng: | 353.092.571 đồng | Đạt 124,33% so DT huyện,
98,61 % DT Thị trấn . |
| - Chi khác | 69.019.500 đồng | Đạt 371,07% so DT huyện,
99,66 % DT Thị trấn . |

3. Chi chuyển nguồn sang năm 2023: 1.717.673.163 đồng.

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| - Chi thường xuyên: | 60.560.000 đồng. |
| - Chi nguồn cải cách tiền lương: | 1.548.339.389 đồng. |
| - Chi đầu tư | 108.773.774 đồng |

(Chi tiết Biểu số 03/QT-NSNN kèm theo)

III/ QUYẾT TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

1. Hoạt động các quỹ công chuyên dùng:

a- Tổng thu quỹ công chuyên dùng: 227.703.000 đồng.

Trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| + Quỹ vì người nghèo năm 2021 chuyển sang | 22.725.000 đồng. |
| + Quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2021 chuyển sang | 5.514.000 đồng |
| + Quỹ phòng chống covid-19 năm 2021 chuyển sang | 92.044.000 đồng |
| + Thu quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2022 | 107.420.000 đồng. |

b- Tổng chi quỹ công chuyên dùng: 86.690.000 đồng

- | | |
|--|-----------------|
| + Chi tặng quà các gia đình chính sách ngày 27/7 | 9.100.000 đồng. |
| + Chi công tác phòng chống dịch covid-19 | 77.590.000 đồng |

c- Tồn quỹ (a-b): 141.013.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu không trăm mười ba nghìn đồng.

2. Các khoản thu hộ - chi hộ.

a- Tổng các khoản thu hộ: 3.145.386.018 đồng.

Trong đó:

- | | |
|---------------------------------|---------------------|
| + Thu hộ các khoản của năm 2022 | 3.145.386.018 đồng. |
|---------------------------------|---------------------|

b- Tổng các khoản chi hộ: 3.145.386.018 đồng.

Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| + Chi hộ công trình cải tạo NTLS | 3.000.000.000 đồng. |
|----------------------------------|---------------------|

+ Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo hộ có thành viên hưởng BTXH có sử dụng lượng điện dưới 50 kw	56.508.000 đồng.
+ Chi các khoản chi hộ khác	88.878.018 đồng.
c- Tồn quỹ (a-b):	0 đồng

Số tiền bằng chữ: Không.

(Chi tiết Biểu số 13 kèm theo)

IV/ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN:

	Tổng thu	45.797.463.527 đồng
	- Thu trong ngân sách	42.424.374.509 đồng
	- Thu ngoài ngân sách (Thu hộ)	3.145.386.018 đồng
	- Các quỹ công chuyên dùng	227.703.000 đồng
	Tổng chi	43.938.777.364 đồng
	- Chi trong ngân sách	40.706.701.346 đồng
	- Chi ngoài ngân sách (Chi hộ)	3.145.386.018 đồng
	- Chi từ quỹ công chuyên dùng	86.690.000 đồng
	Số dư chuyển sang năm 2023	1.858.686.163 đồng
	* Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm 2023	1.717.673.163 đồng
	* Tiền gửi thu hộ - chi hộ	0
	* Các quỹ công chuyên dùng	141.013.000 đồng
	- Quỹ Vì người nghèo	22.725.000 đồng
	- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	103.834.000 đồng
	- Quỹ phòng chống dịch covid-19	14.454.000 đồng

(Chi tiết Biểu số 01/QT-NSNN kèm theo)

V/ Các khoản nợ phải thu, phải trả chuyển sang năm 2023:

STT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng nợ phải thu	36.963.100 đồng
1	Thu tiền vùng A Tam	29.167.500 đồng
2	Thu nợ các quỹ UBND	7.795.600 đồng
II	Tổng nợ phải trả	22.104.722.644 đồng
1	Nhà lớp học + thư viện 3T và nâng tầng 2,3 nhà VS T.học	4.044.661.817 đồng
2	Nâng cấp nhà VS trường Tiểu học; cổng, tường rào, THCS	627.231.000 đồng
3	Nhà lớp học 3T 12P trường THCS Thị trấn	28.377.000 đồng
4	Cải tạo sửa chữa nhà VS trường MN HH	157.412.000 đồng
5	Xây dựng nhà bếp ăn, và nhà VS Tiểu học Phương Hưng	1.222.068.000 đồng
6	Cải tạo, nâng cấp sân trường Mầm non Phương Hưng	805.458.000 đồng
7	Xây dựng nhà văn hóa khu 4, Thị trấn Gia Lộc	3.660.172.000 đồng

8	Xây dựng nhà văn hóa KDC số 6	2.227.607.750
9	Lát gạch phần mộ, rãnh thoát nước nghĩa trang Liệt sĩ	486.534.000 đồng
10	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	3.868.624.906 đồng
11	Khu dân cư mới Thị trấn Gia Lộc; Hạng mục: San nền, tường kè, tường rào, nền mặt đường, vỉa hè và thoát nước	4.393.239.000 đồng
12	Cải tạo đường vào bãi rác	106.742.000 đồng
13	Đường kết nối điểm dân cư KDC Ngà	476.595.171 đồng

Trên đây là báo cáo quyết toán thu - chi ngân sách thị trấn Gia Lộc năm 2022, Ủy ban nhân dân thị trấn trình kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân thị trấn Gia Lộc khóa XXVI nhiệm kỳ 2021 - 2026 xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- TTHĐND - UBND TT;
- BCH Đảng bộ Thị trấn ;
- Đại biểu HĐND Thị trấn ;
- Ban kinh tế HĐND Thị trấn ;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN

CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Long



UBND THỊ TRẤN GIA LỘC

Biểu số: 01/Q

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của UBND thị trấn Gia Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	So sánh QT/DT(%)
A	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH TT	40.783.783.370	42.424.374.509	104,02
I	Thu các khoản NSX hưởng 100%	907.744.000	926.928.152	102,11
II	Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ %	15.836.939.070	16.462.068.332	103,95
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	23.963.568.300	23.963.568.300	100,00
-	Bổ sung cân đối	1.623.300.000	1.623.300.000	100,00
-	Bổ sung cân đối theo CTMT	3.328.100.000	3.328.100.000	100,00
-	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	19.012.168.300	19.012.168.300	100,00
IV	IV.Thu chuyển nguồn	75.532.000	1.071.809.725	1.419,01
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TT	40.783.783.370	42.424.374.509	104,02
I	Chi đầu tư phát triển	31.690.681.370	31.690.679.870	100,00
II	Chi thường xuyên	9.093.102.000	9.016.021.476	99,15
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.717.673.163	
IV	Dự phòng ngân sách			
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (A-B)	-	-	

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của UBND Thị trấn Gia Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN THU NSX	Tỷ lệ % so với	
		Huyện giao	HĐND TT		DT Huyện giao	DT HĐND TT
A	THU NGÂN SÁCH XÃ	21.623.400.000	40.783.783.370	42.424.374.509	196,2%	104,0%
I	Các khoản thu 100%	297.000.000	907.744.000	926.928.152	312,1%	102,1%
1	Phí và lệ phí	87.000.000	87.000.000	92.823.000	106,7%	106,7%
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	160.000.000	494.624.000	495.614.000	309,8%	100,2%
-	Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công	160.000.000	494.624.000	406.990.000	254,4%	82,3%
-	Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất			88.624.000		
3	Thu phạt (Phạt hành chính + ANTT, QP)			7.279.000		
4	Thu ki ốt		276.120.000	276.120.000		100,0%
5	Thu khác	50.000.000	50.000.000	55.092.152	110,2%	110,2%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	16.375.000.000	15.836.939.070	16.462.068.332	100,5%	103,9%
1	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA	1.525.000.000	1.604.270.000	2.328.669.385	152,7%	145,2%
-	Thuế thu nhập cá nhân	400.000.000	400.000.000	372.210.688	93,1%	93,1%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	320.000.000	399.270.000	851.218.233	266,0%	213,2%
-	Lệ phí môn bài	155.000.000	155.000.000	149.900.000	96,7%	96,7%
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	650.000.000	650.000.000	955.340.464	147,0%	147,0%

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN THU NSX	Tỷ lệ % so với	
		Huyện giao	HĐND TT		DT Huyện giao	DT HĐND TT
	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO QUY ĐỊNH CỦA TỈNH	14.850.000.000	14.232.669.070	14.133.398.947	95,2%	99,3%
2	Thu tiền sử dụng đất	14.000.000.000	13.382.669.070	13.482.669.070	96,3%	100,7%
-	Thuế giá trị gia tăng	850.000.000	850.000.000	650.729.877	76,6%	76,6%
III	Thu chuyển nguồn		75.532.000	1.071.809.725		1419,0%
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.951.400.000	23.963.568.300	23.963.568.300	484,0%	100,0%
1	Bổ sung cân đối	1.623.300.000	1.623.300.000	1.623.300.000	100,0%	100,0%
2	Bổ sung cân đối theo CTMT	3.328.100.000	3.328.100.000	3.328.100.000	100,0%	100,0%
3	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		19.012.168.300	19.012.168.300		100,0%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của UBND thị trấn Gia Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN CHI NSX	Tỷ lệ % so với	
		Huyện giao	HĐND TT		DT Huyện giao	DT HĐND TT
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	21.623.400.000	40.783.783.370	42.424.374.509	196,20%	104,02%
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	14.000.000.000	31.690.681.370	31.690.679.870	226,36%	100,00%
1	Chi đầu tư XD CB	14.000.000.000	31.690.681.370	31.690.679.870	226,36%	100,00%
1.1	Trường học		12.486.060.226	12.486.060.226		
1.2	Trụ sở công an TT			-		
1.3	QLNN		14.817.998.300	14.817.998.300		
1.4	Đường giao thông					
1.5	Văn hóa TT + TDTT		2.755.247.750	2.755.246.250		
1.6	Nghĩa trang Liệt sỹ		1.631.375.094	1.631.375.094		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	7.623.400.000	9.093.102.000	9.016.021.476	118,27%	99,15%
1	Chi công tác DQTV	326.000.000	666.146.000	660.494.679	202,61%	99,15%
	- Chi dân quân tự vệ	284.000.000	358.076.000	353.092.571	124,33%	98,61%
	- Chi an ninh trật tự	42.000.000	308.070.000	307.402.108	731,91%	99,78%
2	SN giáo dục	58.000.000	22.880.000	22.880.000	39,45%	100,00%
3	SN y tế	58.000.000	58.000.000	57.472.400	99,09%	99,09%
4	SN văn hoá thông tin	94.500.000	78.000.000	69.947.400	74,02%	89,68%

Nội dung	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN CHI NSX	Tỷ lệ % so với	
	Huyện giao	HBND TT		DT Huyện giao	DT HBND TT
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
5 Chi thẻ dực thẻ thao	94.500.000	45.000.000	37.400.000	39,58%	83,11%
6 SN truyền thanh	84.800.000	157.000.000	156.963.600	185,10%	99,98%
7 SN kinh tế	50.900.000	209.000.000	215.103.000	422,60%	102,92%
- SN giao thông	32.300.000	132.300.000	139.704.000	432,52%	105,60%
- SN Nông nghiệp - Lâm nghiệp	18.600.000	76.700.000	75.399.000	405,37%	98,30%
- Các hoạt động kinh tế khác					
8 SN đảm bảo xã hội	701.800.000	1.800.962.000	1.779.982.000	253,63%	98,84%
9 Chi sự nghiệp môi trường	55.900.000	55.900.000	55.900.000	100,00%	100,00%
10 Chi quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	6.080.400.000	5.930.958.000	5.890.858.897	96,88%	99,32%
- Quản lý NN	5.605.900.000	3.406.078.000	3.398.338.190	60,62%	99,77%
+ UBND		3.002.681.093	2.994.941.283		
+ HBND		403.396.907	403.396.907		
- Đảng	362.000.000	1.381.460.000	1.367.600.753	377,79%	99,00%
- Đoàn thể, hội quần chúng	112.500.000	1.143.420.000	1.124.919.954	999,93%	98,38%
+ MTTQ		333.500.000	326.545.624		97,91%
+ Đoàn TNCS		270.920.000	266.956.570		98,54%
+ Hội phụ nữ		157.000.000	152.768.648		97,30%
+ Hội cựu chiến binh		196.000.000	194.526.672		99,25%
+ Hội nông dân		186.000.000	184.122.440		98,99%
11 Chi khác	18.600.000	69.256.000	69.019.500	371,07%	99,66%
III Chi chuyển nguồn sang năm sau			1.717.673.163		
IV KP tiết kiệm trong dự toán					

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022			THỰC HIỆN NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG CỘNG	3.373.089.018	3.373.089.018	0	3.373.089.018	3.232.076.018	141.013.000
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	227.703.000	227.703.000	-	227.703.000	86.690.000	141.013.000
- Quỹ ngày vì người nghèo	22.725.000	22.725.000	0	22.725.000		22.725.000
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	112.934.000	112.934.000	0	112.934.000	9.100.000	103.834.000
- Quỹ phòng chống covid-19	92.044.000	92.044.000	0	92.044.000	77.590.000	14.454.000
2. Thu hộ - Chi hộ	3.145.386.018	3.145.386.018	-	3.145.386.018	3.145.386.018	-
- Chi hộ công trình cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ thị trấn Gia Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000	-
- Thu Quỹ phòng chống thiên tai	14.400.000	14.400.000	0	14.400.000	14.400.000	-
- Thu hỗ trợ tiền công thu quỹ PCTT	1.980.500	1.980.500	0	1.980.500	1.980.500	-
- Thu tiền hỗ trợ công thu thuế năm 2021	50.497.518	50.497.518	0	50.497.518	50.497.518	-
- Nhận chi hộ KP phục hóa sx	22.000.000	22.000.000	0	22.000.000	22.000.000	-
- Thu hộ tiền điện hộ nghèo, hộ có thành viên hưởng BTXH sử dụng lượng điện dưới 50 KW	56.508.000	56.508.000	0	56.508.000	56.508.000	-